TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Hoàng Hùng
2. Bà Phan Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị L (Ú), sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Q, xã I, thị xã A, tỉnh G. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Ksor T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Q, xã I, thị xã A, tỉnh G. Có mặt

3. Người phiên dịch: Ông Rcom ANhi, người dân tộc Jrai
Địa chỉ: Tổ 9, phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2018, bản tự khai ngày 13/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Ksor T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã A, tỉnh G vào ngày 04/7/2008 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường uống rượu, hay chơi bài bạc rồi về nhà gây gổ, đập phá nhà cửa, nhiều lần đánh đập chị. Nay chị nhận thấy không còn tình

cảm với anh T, không thể sống chung với anh T được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Huỳnh Thiên S, sinh ngày 21/12/2008 và Huỳnh Thiên H, sinh ngày 19/3/2010.

Nguyện vọng của chị được nuôi dưỡng cả hai cháu S và H mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

****** *Tại Bản tự khai ngày 20/4/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Ksor T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị Huỳnh Thị L về việc chung sống với nhau, ngày tháng năm kết hôn, cơ sở việc kết hôn cũng như mâu thuẫn xảy ra. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng đôi khi xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng không nghiêm trọng như chị L trình bày, một phần mâu thuẫn khác là do anh nghi ngờ chị L có quan hệ bất chính với người khác. Nay anh vẫn còn thương yêu vợ con nên yêu cầu Tòa án hòa giải để hai bên đoàn tụ, cùng nhau quay về chung sống nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là Huỳnh Thiên S, sinh ngày 21/12/2008 và Huỳnh Thiên H, sinh ngày 19/3/2010.

Vì không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì về con chung và tài sản.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Huỳnh Thị L ly hôn với anh Ksor T.

Về con chung: Giao hai con chung là hai con chung là Huỳnh Thiên S, sinh ngày 21/12/2008 và Huỳnh Thiên H, sinh ngày 19/3/2010 cho chị Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; buộc chị Chị Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ksor T có nơi cư trú tại thôn Q, xã I, thị xã A, tỉnh G thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L và anh Ksor T đăng ký kết hôn ngày 04/7/2008 tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã A, tỉnh G theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số I/2008 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường uống rượu về nhà gây gổ, đập phá nhà cửa, nhiều lần đánh đập chị L. Anh T không muốn ly hôn nhưng không làm gì để thay đổi tình trạng hôn nhân, hàn gắn mâu thuẫn. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T.

Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2018 của Thôn trưởng thôn Q, xã I cho thấy: Thời gian gần đây vợ chồng anh T, chị L thường hay xảy ra mâu thuẫn, xích mích, nguyên nhân anh T uống rượu về nhà đánh vợ, đập phá đồ đạc trong nhà.

Có căn cứ anh T vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Huỳnh Thị L được ly hôn anh Ksor T.

- Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung là Huỳnh Thiên S, sinh ngày 21/12/2008 và Huỳnh Thiên H, sinh ngày 19/3/2010.

Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai cháu S và H; Xét nguyện vọng của các cháu S và H đều muốn được ở với chị L. Do đó giao các cháu S và H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị L và anh Ksor T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị L (Ú).

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L (Ú) ly hôn anh Ksor T

2. Về con chung: Giao con chung Huỳnh Thiên S, sinh ngày 21/12/2008 và Huỳnh Thiên H, sinh ngày 19/3/2010 cho chị Huỳnh Thị L (Ú) trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu Huỳnh Thiên S, Huỳnh Thiên H thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị L (Ú) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Liên đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001875, ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh G.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TX A;
- Chi Cục THS DS TX A;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Dương Đình Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Nhàn Đặng Hoàng Hùng Dương Đình Mạnh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THADS thị xã Ayun Pa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Đình Mạnh